

KẾ HOẠCH

**thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng
kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản
thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại**

Thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 72- KL/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại theo Kết luận 72-KL/TW của Bộ Chính trị gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nghị quyết, kết luận về xây dựng kết cấu hạ tầng mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

- Cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp sát hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, gắn với trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

Phát triển kết cấu hệ thống hạ tầng phải hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá; ưu tiên những dự án quan trọng tạo sự đột phá, phù hợp với quy hoạch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; huy động toàn dân tham gia đóng góp; gắn với tiết kiệm đất canh tác, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng thủ dân sự. Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ từ nông thôn đến thành thị, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh địa phương.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Phát triển hạ tầng giao thông

- Về đường bộ: Hoàn thành dự án xây dựng cầu Rạch Miễu 2 theo kế hoạch; tập trung triển khai các dự án trên tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh (phần đầu khởi công dự án Cầu Ba Lai 8 trong Quý III/2024; thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án tuyến đường ven biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre thuộc chương trình DPO, dự án cầu Cửa Đại; phối hợp với tỉnh Trà Vinh thực hiện dự án xây dựng cầu Cổ Chiên 2); phối hợp tỉnh Vĩnh Long thực hiện dự án xây dựng cầu Đình Khao kết nối tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre; nghiên cứu sớm triển khai dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33).

- Về đường thủy nội địa: Nạo vét luồng kênh Chợ Lách, xây dựng kè bảo vệ, xây dựng cầu Chợ Lách 2, bổ sung hệ thống biển báo hiệu đường thủy, cống thoát nước và các đường dân sinh dọc theo tuyến kênh Chợ Lách thuộc Dự án Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam; xây dựng cầu Mỏ Cày thuộc Dự án nâng cao tính không các cầu đường cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - giai đoạn 1 (khu vực phía Nam).

- Về bến cảng, bến thủy nội địa: Tập trung huy động các nguồn lực thu hút đầu tư các Cụm cảng hàng hóa và hành khách trên sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên, Cửa Đại.

- Về cảng biển: Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển Bến Tre (Khu bến Giao Long; Khu bến Hàm Luông; Khu bến Bình Đại; Khu bến Thạnh Phú; các bến vệ tinh khác; các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão) theo định hướng quy hoạch tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt.

Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án 05-ĐA/TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông và dịch vụ logistics phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Thường xuyên kiểm tra đánh giá hiện trạng, hiệu quả hoạt động của hệ thống hạ tầng giao thông nhằm duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo phát huy tối đa công năng, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh.

1.2. Phát triển hạ tầng cung cấp điện

Tập trung đầu tư thực hiện hạ tầng điện (lưới điện 110kV, 220kV) trong Quy hoạch điện VIII đồng bộ với nguồn điện được quy hoạch đảm bảo giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; triển khai các biện pháp hòa lưới điện quốc gia đối với các dự án điện gió đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; nghiên cứu đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện dự án

điện gió ngoài khơi; triển khai các nguồn điện tự sản tự tiêu, nhất là nguồn năng lượng tái tạo cung cấp cho sản xuất hydro xanh (khi được Chính phủ ban hành cơ chế); phát triển dự án Khu tổ hợp hydro xanh Bến Tre.

1.3. Phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đối với Thủy lợi Bắc Bến Tre: Tập trung triển khai đầu tư và sớm đưa vào sử dụng các công trình công An Hóa, cống Bến Ró và cống Thủ Cửu thuộc Dự án Quản lý nước Bến Tre (JICA3); Dự án Âu Thuyền Bến Tre, xã Nhơn Thạnh, Phường 8, thành phố Bến Tre.

- Đối với Tiểu vùng Nam Bến Tre: Triển khai đầu tư công Cái Quao huyện Mỏ Cày Nam thuộc dự án Dự án Quản lý nước Bến Tre (JICA3); cống Vàm Nước Trong (huyện Mỏ Cày Bắc), cống Vàm Thơm (huyện Mỏ Cày Nam) tách ra từ JICA3 và các tuyến đê, cống dưới đê của khu vực theo Quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt nhằm khép kín, đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, bảo vệ diện tích cây ăn trái đặc sản, sản xuất cây giống - hoa kiểng của vùng.

1.4. Phát triển hạ tầng đô thị

- Về cấp nước đô thị: Tập trung đầu tư hệ thống cấp nước tập trung để tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch, thay thế nước hợp vệ sinh; tiếp tục mời gọi đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước theo quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, nhất là các dự án cấp nước trọng điểm như: Nhà máy nước Tân Thành Bình (nhà máy nước Cù Lao Minh), nhà máy nước Phú Thuận, mở rộng (hoặc đầu tư mới), nhà máy nước An Hiệp; tập trung giải quyết khó khăn để đẩy nhanh tiến độ dự án Trạm bơm nước thô nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải; nghiên cứu phương án cấp nước bền vững nhằm từng bước chủ động nguồn nước sinh hoạt và đảm bảo nguồn nước ngọt cho việc sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó hiệu quả với xâm nhập mặn.

- Về thoát nước đô thị: Tập trung mời gọi đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải các khu đô thị, nước thải công nghiệp, nhất là trên địa bàn thành phố Bến Tre, Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày Nam và các khu, cụm công nghiệp nhằm bảo vệ chất lượng nguồn nước, góp phần từng bước nâng tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Hệ thống giao thông đô thị: Tập trung thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung theo Kế hoạch số 4551/KH-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị Bến Tre giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng Chương trình phát triển đô thị Bến Tre giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2050 trong năm 2024; qua đó, rà soát, lồng ghép các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung vào chương trình.

- Về quy hoạch đô thị: Tiếp tục rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

1.5. Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

Thực hiện xây dựng các khu công nghiệp có quy mô 70 - 350 ha, phân bố dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và gần với các tuyến cảng trên sông. Phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 07 khu công nghiệp với diện tích 1.372 ha, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, đặc biệt là các công trình hạ tầng xã hội và xử lý nước thải, rác thải.

1.6. Phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển hạ tầng thương mại tại các trung tâm sản xuất và tiêu thụ hàng hoá tại các cảng và cửa ngõ của tỉnh; phát triển các chợ đầu mối nông sản, xúc tiến kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trong các lĩnh vực: Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, mạng lưới chợ và hệ thống phân phối - chuỗi cửa hàng tiện lợi, đảm bảo theo định hướng phát triển hạ tầng thương mại, logistic giai đoạn 2021-2030 định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tập trung xây dựng, phát triển thành phố Bến Tre thành đô thị loại I, trung tâm thương mại của tỉnh.

1.7. Phát triển hạ tầng thông tin

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông theo quy hoạch, chú trọng phát triển hạ tầng băng thông rộng và các dịch vụ phần mềm, nội dung số; tập trung thực hiện phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bến Tre đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục nghiên cứu đề xuất triển khai thành lập Khu Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số tỉnh Bến Tre đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thu hút được nhà đầu tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trên các lĩnh vực.

1.8. Phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

- Phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển, nâng chất các trường đào tạo nghề đạt chất lượng cao đáp ứng cho phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

- Đầu tư đồng bộ hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre, dự kiến hoàn thành đến năm 2030.

1.9. Phát triển hạ tầng y tế

Phát triển mạng lưới cơ sở y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ của Nhân dân; nâng cao năng lực các trạm

y tế xã và Trung tâm y tế huyện góp phần khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên; đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư phát triển hạ tầng trong lĩnh vực y tế. Cùng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực phục vụ chăm sóc sức khỏe, nhất là cấp cơ sở, kết nối giữa hệ thống y tế của tỉnh và các địa phương lân cận, vùng.

1.10. Phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch

Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển các công trình hạ tầng phục vụ du lịch để phát huy thế mạnh và khai thác có hiệu quả tiềm năng của tỉnh Bến Tre; phân đầu các đơn vị hành chính cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng đạt chuẩn; có các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; ưu tiên đầu tư bảo tồn các công trình di tích xuống cấp nghiêm trọng có nguy cơ bị mai một cao.

2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển về hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị, khu công nghiệp, thương mại, thông tin, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch và các giải pháp chủ yếu để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phát huy hệ thống kết cấu hạ tầng đã xây dựng, tăng cường kết nối vùng, liên vùng, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị - nông thôn; sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước, rừng và các tài nguyên khác.

- Tập trung rà soát, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với mục tiêu xây dựng công nghiệp hiện đại đến năm 2030, nhất là các văn bản về đầu tư công, quy hoạch, đối tác công - tư, ngân sách nhà nước, phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số,...

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền gắn với năng lực tổ chức thực hiện và đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu ở địa phương, rút ngắn quy trình ra quyết định, tạo thuận lợi cho việc triển khai đầu tư. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo sự liên thông giữa các thủ tục đầu tư với các thủ tục về đất đai, xây dựng, đấu thầu, môi trường; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho kinh tế ngoài nhà nước tham gia.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn có trọng tâm, trọng điểm. Rà soát, xây dựng dữ liệu về kinh tế - xã hội, tài nguyên và môi trường của địa phương bảo đảm thống nhất và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Hoàn thiện cơ chế điều phối, nâng cao chất lượng, thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, huy động và sử dụng nguồn lực đất đai; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công các công trình, dự án, nhất là các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tiếp tục huy động hợp lý nguồn vốn ODA, các khoản vay ưu đãi gắn với hiệu quả sử dụng các nguồn vốn.

- Tập trung đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách về giao thông, đường thủy nội địa kết nối với các địa phương và khu vực. Phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là đảm bảo cung cấp đủ, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng; hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại; tạo sự đột phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình, dự án trọng điểm: Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu 2; dự án xây dựng Cầu Ba Lai 8; dự án cầu Cửa Đại; dự án tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh dự kiến hoàn thành năm 2028; dự án xây dựng cầu Đình Khao kết nối tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre; dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33); KCN Phú Thuận, ...

- Xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển, đầu tư trọng điểm để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo; phát triển mạng lưới cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, hướng tới mục tiêu công bằng, chất lượng, hiệu quả; phát triển các thiết chế văn hóa hiện đại, mạng lưới cơ sở văn hóa thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; xây dựng mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao đồng bộ; phát triển hạ tầng du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; đầu tư hạ tầng nông thôn mới cơ bản đồng bộ, bảo đảm kết nối nông thôn - đô thị; tiếp tục phát triển hạ tầng bảo đảm an sinh xã hội; đảm bảo thể trận an ninh nhân dân, phòng thủ dân sự của địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy cụ thể hóa thực hiện Kết luận 72-KL/TW và Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, đổi mới phương thức, tạo sự thống nhất hành động và đồng thuận cao trong triển khai thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến quán triệt, tuyên truyền Kết luận 72-KL/TW.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này, đồng thời huy động và bố trí nguồn lực để bảo đảm việc xây dựng kết cấu hạ tầng

của tỉnh phải đồng bộ, bền vững từ thành thị đến nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện ở các đơn vị, địa phương; định kỳ (hoặc theo yêu cầu) báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn theo chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Kết luận 72-KL/TW và Kế hoạch này đến các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân với các hình thức đa dạng, phù hợp; theo dõi, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận 72-KL/TW ngày 23/2/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ tỉnh khóa XI,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy (BLĐ, các phòng),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Thanh Lâm